

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ B

NGÀY THI: 20/6/2015

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu chứng chỉ	Ghi chú (khóa học tại Trung tâm)
1	Lục Thị Chanh	Nữ	04/3/1993	Lệ Viễn-Sơn Động-Bắc Giang	Khá	TA000001	A1865317	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
2	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	18/10/1996	Dị Chế-Tiên Lữ- Hưng Yên	Khá	TA000002	A1865318	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
3	Trần Thị Hà	Nữ	20/11/1993	Hồng Thái-Việt Yên-Bắc Giang	Giỏi	TA000003	A1865319	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
4	Tổng Hoàng Hải	Nam	24/6/1987	TT.Bích Động-Việt Yên-Bắc Giang	Giỏi	TA000004	A1865320	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
5	Ngô Thị Hậu	Nữ	20/3/1993	Giáp Sơn-Lục Ngạn-Bắc Giang	Giỏi	TA000005	A1865321	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
6	Dương Thị Huyền	Nữ	21/5/1993	Hồng Tiến-Phổ Yên-Thái Nguyên	Giỏi	TA000006	A1865322	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
7	Khổng Thị Huyền	Nữ	13/02/1993	Đông Lỗ-Hiệp Hòa-Bắc Giang	Khá	TA000007	A1865323	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
8	Nguyễn Thị Liên	Nữ	20/9/1993	Quang Châu-Việt Yên-Bắc Giang	Giỏi	TA000008	A1865324	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
9	Nông Thị Lin	Nữ	19/6/1993	Nam Tuấn-Hòa An-Cao Bằng	Khá	TA000009	A1865325	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
10	Lương Thúy Mừng	Nữ	05/01/1993	Na Dương-Lộc Bình-Lạng Sơn	Giỏi	TA000010	A1865326	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
11	Dương Thị Ngọc	Nữ	12/8/1993	Thanh Lâm-Lục Nam-Bắc Giang	Giỏi	TA000011	A1865327	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
12	Nguyễn Thế Thịnh	Nam	10/02/1992	Ngọc Vân-Tân Yên-Bắc Giang	Khá	TA000012	A1865328	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
13	Trần Thị Hoài Thu	Nữ	14/9/1993	Xuân Lâm-Thuận Thành-Bắc Ninh	Giỏi	TA000013	A1865329	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
14	Vũ Thu Thủy	Nữ	15/12/1993	TT.Bích Động-Việt Yên-Bắc Giang	Giỏi	TA000014	A1865330	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
15	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	07/5/1993	Hồng Thái-Việt Yên-Bắc Giang	Giỏi	TA000015	A1865331	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
16	Ngô Thị Thủy	Nữ	17/10/1993	Đồng Vương-Yên Thế-Bắc Giang	Khá	TA000016	A1865332	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
17	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	14/02/1993	Hồng Thái-Việt Yên-Bắc Giang	Giỏi	TA000017	A1865333	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
18	Hoàng Minh Trang	Nam	19/11/1994	Trần Nguyên Hãn-TP.Bắc Giang-Bắc Giang	Giỏi	TA000018	A1865334	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
19	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	08/02/1993	Phúc Hòa-Tân Yên-Bắc Giang	Giỏi	TA000019	A1865335	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
20	Vũ Thị Tuyết	Nữ	25/9/1991	Đại Thắng-Vụ Bản-Nam Định	Khá	TA000020	A1865336	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
21	Dương Tú Anh	Nam	22/8/1994	Trường Thọ-An Lão-Hải Phòng	Khá	TA000021	A1865337	
22	Nguyễn Việt Anh	Nam	30/01/1995	Thanh Quang-Nam Sách-Hải Dương	Khá	TA000022	A1865338	
23	Bàn Mạnh Cường	Nam	19/8/1993	Xuân Lập-Na Hang-Tuyên Quang	Trung bình	TA000023	A1865339	
24	Trương Văn Đức	Nam	01/9/1991	Giáp Sơn-Lục Ngạn-Bắc Giang	Trung bình	TA000024	A1865340	
25	Nguyễn Văn Đức	Nam	04/4/1992	Hung Thông-Hung Nguyên-Nghệ An	Trung bình	TA000025	A1865341	
26	Vũ Hải Dương	Nam	07/4/1990	Bích Sơn-Việt Yên-Bắc Giang	Giỏi	TA000026	A1865342	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu chứng chỉ	Ghi chú (khoá học tại Trung tâm)
27	Ma Công Duy	Nam	13/12/1991	Thổ Bình-Lâm Bình-Tuyên Quang	Trung bình	TA000027	A1865343	
28	Nguyễn Thanh Duyệt	Nam	29/8/1991	Đức Long-Hòa An-Cao Bằng	Trung bình	TA000028	A1865344	
29	Vương Thị Bích Hạnh	Nữ	24/11/1990	Đông Khê-Thạch An-Cao Bằng	Trung bình	TA000029	A1865345	
30	Ma Thị Thanh Hiền	Nữ	03/11/1994	Vinh Quang-Chiêm Hóa-Tuyên Quang	Khá	TA000030	A1865346	
31	Đỗ Thị Hiền	Nữ	01/10/1992	Hoàng Ninh-Việt Yên-Bắc Giang	Khá	TA000031	A1865347	
32	Đồng Thị Lan	Nữ	13/9/1995	Cao Xá-Tân Yên-Bắc Giang	Trung bình	TA000032	A1865348	
33	Cô Như Lợi	Nam	27/01/1992	P.Phố Mới-TP.Lào Cai-Lào Cai	Khá	TA000033	A1865349	
34	Trần Thành Long	Nam	08/10/1993	Phúc Thành-Kinh Môn-Hải Dương	Giỏi	TA000034	A1865350	
35	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	12/6/1992	Trường Giang-Lục Nam-Bắc Giang	Khá	TA000035	A1865351	
36	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	10/10/1992	Nguyên Bình-Tĩnh Gia-Thanh Hóa	Trung bình	TA000036	A1865352	
37	Lê Thị Mơ	Nữ	20/01/1995	Thường Thắng-Hiệp Hòa-Bắc Giang	Khá	TA000037	A1865353	
38	Nguyễn Thị Mua	Nữ	09/02/1994	Trường Giang-Lục Nam-Bắc Giang	Giỏi	TA000038	A1865354	
39	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	07/01/1994	Song Mai-TP.Bắc Giang-Bắc Giang	Trung bình	TA000039	A1865355	
40	Ngô Minh Phúc	Nam	18/10/1993	Phúc Sơn-Tân Yên-Bắc Giang	Khá	TA000040	A1865356	
41	Ma Văn Thắng	Nam	14/11/1990	Vinh Quang-Chiêm Hóa-Tuyên Quang	Trung bình	TA000041	A1865357	
42	Chu Văn Thảo	Nam	27/02/1990	Hải Yên-Cao Lộc-Lạng Sơn	Trung bình	TA000042	A1865358	
43	Vi Minh Tiến	Nam	06/11/1991	Hung Đạo-TP.Cao Bằng-Cao Bằng	Trung bình	TA000043	A1865359	
44	Bùi Anh Tuấn	Nam	17/9/1993	Tiền Phong-Mê Linh-Hà Nội	Khá	TA000044	A1865360	
45	Vũ Anh Tuyên	Nam	27/6/1991	Vĩnh Tuy-Bắc Quang-Hà Giang	Khá	TA000045	A1865361	
46	Phan Hữu Tuyền	Nam	23/11/1993	Ngọc Sơn-Hiệp Hòa-Bắc Giang	Trung bình	TA000046	A1865362	

Danh sách này gồm 46 thí sinh